

CHỮ THÁI Ở VIỆT NAM

Tạ Văn Thông^a
Tạ Quang Tùng^b

^a Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam
Email: tavanthong1955@gmail.com

^b Viện Ngôn ngữ học Việt Nam
Email: quangtung7391@gmail.com

Ngày nhận bài: 21/10/2020
Ngày phản biện: 05/11/2020
Ngày tác giả sửa: 08/11/2020
Ngày duyệt đăng: 09/11/2020
Ngày phát hành: 20/11/2020

DOI:
<https://doi.org/10.25073/0866-773X/475>

Người Thái ở Việt Nam có hai loại chữ: 1. Chữ cổ gốc Ấn Độ - tự dạng Sanskrit (với nhiều kiểu khác nhau, ở người Thái Đen, Thái Trắng; Tây Thanh, Tây Đeng; Tây Dọ; Tai Pao, Thái Mường, Thái Hàng Tổng...) 2. Chữ mới - tự dạng latin. Chữ Thái cổ đã từng có vai trò khá lớn trong sinh hoạt văn hoá tinh thần của đồng bào Thái, được các trí thức Thái xem là tài sản quý báu của dân tộc Thái. Việc mã hóa chữ Thái cổ đã được đặt ra. Chữ Thái “mới” đã được xây dựng từ khi người Pháp đến Tây Bắc (1946 - 1954). Năm 1970, phương án chữ Thái Latin được Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu phê chuẩn. Chữ này đã được sử dụng trong một sáng tác văn học, biên soạn sách. Nhìn chung, chữ Thái chưa có điều kiện phổ biến và sử dụng tích cực.

Một số câu hỏi đặt ra và cần có câu trả lời đối với chữ Thái, để chữ này có thể sống và hành chức tích cực: Chữ Thái dùng để làm gì? Những yêu cầu đối với chữ Thái là gì? (Trong hoàn cảnh thực tế của Việt Nam hiện nay, nên truyền bá và sử dụng chữ Thái cổ - tự dạng Sanscrit, hay là chữ Thái mới - tự dạng latin, hay cả hai)? Chữ Thái cần được xây dựng (hoặc sửa đổi, cải tiến, thống nhất) căn cứ vào tiếng địa phương nào? Chữ Thái cần được dạy - học và sử dụng như thế nào?

Từ khóa: Chữ Thái; Dân tộc thiểu số; Mô hình giáo dục; Tiếng Thái.

1. Đặt vấn đề

Chữ viết là một trong những phát minh quan trọng nhất của loài người, chấm dứt thời kỳ ngôn ngữ chỉ truyền khẩu, bước vào thời kỳ có sự tham gia của ngôn ngữ thành văn. Quá trình xuất hiện chữ viết ở Việt Nam gắn liền với lịch sử chữ viết ở khu vực Đông Nam Á và không tách rời lịch sử Việt Nam. Trong lịch sử, hầu hết các hệ chữ viết ở Việt Nam đến từ bên ngoài, trước đây là từ Ấn Độ và Trung Quốc, sau đó là các nước phương Tây, theo những con đường khác nhau, chủ yếu là di dân, giáo dục nhằm mục đích cai trị và tôn giáo. Một trong những hệ quả là sự xuất hiện nhiều hệ thống chữ viết, thậm chí một dân tộc có nhiều hệ thống chữ viết. Chữ Thái ở Việt Nam góp mặt với tư cách là sự phản ánh của lịch sử, cả ở loại hình, số lượng và công dụng. Bài viết này tập trung nghiên cứu tìm hiểu chữ Thái ở Việt Nam: Thực tế và triển vọng.

2. Tổng quan nghiên cứu

Hiện nay chưa có chuyên khảo về chữ Thái. Chữ được nhắc đến như một chi tiết trong những miêu tả về văn hóa Thái. Một số vấn đề về chữ Thái được nhắc đến cụ thể như sau:

- Chữ Thái cổ có nguồn gốc từ đâu?

Theo M. Ferlus, chữ viết các ngành Thái ở Việt Nam cũng như chữ Lào, Thái Lan (Xiêm) đều có nguồn gốc trực tiếp từ chữ Khmer. Người Thái đã vay mượn và cải biến chữ Khmer để tạo ra chữ Thái khoảng thế kỉ thứ IX sau Công nguyên (Hoành, Lợi, & Thông, 2013).

- Các hệ chữ Thái:

Một số tác giả nói đến 8 biến dạng chữ Thái cổ của các nhóm Thái ở nước ta, tương ứng với tiếng các nhóm (ngành) Thái. Chữ Thái cổ tự dạng Sanscrit với những biến thể ở các địa phương Tây Bắc, Thanh Hoá và Nghệ An. Sau này có thêm những phương án thống nhất, cải tiến. Có tác giả nhắc đến chữ cổ Lai Pao. Một số tác giả kể đến phương án Latin hoá chữ Thái (của người Pháp trước năm 1954) và phương án chữ Thái Latin hoá (Hoành, Lợi & Thông, 2013; Thản, 1969; Thông & Tùng, 2017).

- Tình hình sử dụng chữ Thái:

Mức độ phổ biến các chữ Thái và chữ Thái ở mỗi vùng khác nhau. So với các hệ chữ Thái cổ khác, chữ Thái Đen vùng Sơn La, Lai Châu, Yên Bái, Lào Cai phổ biến hơn. Chữ Thái Quý Châu, chữ Lai Pao ở Nghệ An chỉ còn tồn tại dưới dạng

các văn bản viết trên lá cọ, thẻ tre, hiện còn rất ít người đọc được các văn bản này; những chữ viết này mang ý nghĩa lịch sử hơn là ý nghĩa thực tế.

Do không thống nhất, từ năm 1954 đến năm 1959, chữ Thái cổ đã qua hai lần cải tiến. Năm 1961 chữ Thái cải tiến, thống nhất được phê chuẩn, được sử dụng rộng rãi trong đời sống văn hoá, văn nghệ, phát thanh, tuyên truyền... đặc biệt đã được đưa vào giảng dạy trong giáo dục phổ thông cấp 1 từ năm học 1962-1963 (Hoành, Lợi & Thông, 2013).

Năm 1981, phương án chữ Thái latin được Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu phê chuẩn, song, nhìn chung chữ Thái latin chưa có điều kiện phổ biến và sử dụng rộng rãi (Thông & Tùng, 2017).

Người Thái nên học và sử dụng chữ Thái như thế nào ở thời đại ngày nay? Trong tình hình hiện nay nên ứng xử với tiếng nói và chữ viết dân tộc Thái ở nước ta như thế nào? - Những câu hỏi đó được đặt ra và trả lời với ý kiến của các trí thức Thái: (Cường, 1993) và (Trọng, 1993)...

3. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp miêu tả, phân tích các sự kiện cụ thể về chữ Thái ở Việt Nam, nhằm tổng hợp thành quy luật chung về thực tế và triển vọng chữ Thái, đồng thời lý giải sự kiện này trong điều kiện ở Việt Nam. Tư liệu dùng để viết bài là những tài liệu, sách vở đã có và những quan sát tình hình thực tế ở Việt Nam.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Tiếng Thái và chữ Thái ở Việt Nam

Ngôn ngữ có hai hình thức chính: Nói và viết. Chữ viết (các kí hiệu bằng đường nét) là cái có sau, dùng để ghi lại lời nói hoặc đại diện cho ý muốn nói. Ở Việt Nam, 32 dân tộc thiểu số đã có chữ viết. Ngữ hệ Tai - Ka Dai (còn gọi: Tày - Thái, Kam - Thái, Thái - Đông hay Daic) gồm một số ngôn ngữ chính như Thái (Thái Lan), Lào, Shan (ở Bắc Myanmar); Kam, Đông, Choang ở Trung Quốc; Thái Đen, Thái Trắng, Tày, Nùng ở Việt Nam; tiếng Lê ở Hải Nam; Cơ Lao ở Quý Châu Trung Quốc; La Chí, Pu Péo ở Hà Giang. Ngôn ngữ Tai - Ka Dai hoặc được xem như một ngữ hệ độc lập, hoặc có quan hệ thân thuộc với ngôn ngữ Nam Đảo trong ngữ hệ Austro - Thai (Nam - Thái). Dù theo thuyết nào đi nữa, các nhóm Tai - Ka Dai độc lập có độ tuổi trên 7.000 năm. Quê hương của các ngôn ngữ Tai - Ka Dai, nhiều khả năng là khu vực ven biển Quảng Đông, Trung Quốc và vùng miền Bắc Việt Nam.

Các ngành (nhóm) trong cộng đồng Thái ở Việt Nam:

1, Tày Đăm (Thái Đen) ở Sơn La, Lai Châu, Điện Biên, Hòa Bình, Yên Bái, Lào Cai.

2, Tày Đón, Tày Khao (Thái Trắng) ở Lai Châu,

Sơn La.

3, Gồm 3 bộ phận: Tày Khao ở Phù Yên, Mộc Châu - Sơn La; Tày Khao ở Mai Châu, Đà Bắc - Hòa Bình; Tày Thanh, Tày Đăm, Tày Đeng ở Tây Nghệ An, Thanh Hóa...

4, Gồm 2 bộ phận: Tày Do (Tai, Thái Dọ), Tày Đón, Tày Mường, Tày Hàng Tổng; Tày Khăng ở Nghệ An.

Nhìn chung, các nhóm Thái ở Việt Nam đều có các hệ chữ viết cổ truyền, tự dạng Sanskrit. Họ hiện đang lưu giữ nhiều văn bản ghi bằng chữ Thái cổ.

Các hệ chữ cổ Chăm, Thái, Khmer, Lào bắt nguồn từ chữ viết Ấn Độ có tự dạng Sanscrit (còn gọi là "Phạn"). Từ sau Công Nguyên, chữ viết cổ này đã đi vào vùng Đông Nam Á cùng với ảnh hưởng của đạo Phật và theo các đoàn người di cư, trở thành chữ chính thức của một số quốc gia cổ đại, được lưu truyền và lan truyền cho tới ngày nay ở nhiều dân tộc: Chăm, Khmer, Thái, Lào, Lự...

4.2. Hệ thống chữ Thái ở Việt Nam

4.2.1. Chữ Thái cổ - tự dạng Sanskrit

4.2.1.1. Lịch sử chữ Thái cổ ở Việt Nam

Chữ Thái cổ ở Việt Nam có nguồn gốc và có quan hệ với các hệ chữ khác có tự dạng Sanskrit ở Đông Nam Á, như chữ Khmer, chữ Môn, các hệ chữ Thái như chữ Thái Lan (Xiêm), chữ Lào, chữ Lự, chữ Shan...

Các hệ chữ Thái cổ ở Việt Nam đều bắt nguồn từ chữ Pallawa ở Nam Ấn Độ, ra đời khoảng thế kỉ III - V sau Công nguyên. Thời kỳ đầu, chữ Pallawa chỉ dùng để ghi tiếng Pali và Sanskrit. Sau đó, nó được người Khmer, người Môn và muộn hơn được người Miến Điện và người Thái sử dụng với một vài biến đổi để ghi ngôn ngữ của mình.

Theo ý kiến của nhiều nhà khoa học, các chữ viết cổ truyền Thái ở Việt Nam và Lào, Thái Lan đều có nguồn gốc trực tiếp từ chữ Khmer. Người Thái đã vay mượn và cải biến chữ Khmer để tạo ra chữ Thái khoảng thế kỉ thứ IX sau Công nguyên. Từ dạng chữ Thái cổ này đã sinh ra chữ Phạc Khăm của Lào, chữ Su Kho Thai của Thái Lan và các dạng chữ của các nhóm Thái ở Việt Nam.

Một số tác giả lại hình dung khác. Họ cho rằng các hệ thống chữ Thái ở Việt Nam có quan hệ chặt chẽ và bắt nguồn trực tiếp từ chữ Phạc Khăm, và chữ Phạc Khăm lại bắt nguồn từ chữ Su Kho Thai...

Theo các tài liệu, do có các bộ chữ có một số khác biệt, từ năm 1954 đến năm 1959, chữ Thái cổ ở Tây Bắc đã qua hai lần thay đổi. Năm 1954, chữ Thái thống nhất; năm 1959, chữ Thái cải tiến. Năm 1961, chữ Thái cải tiến, thống nhất được phê chuẩn, được sử dụng rộng rãi trong đời sống văn hoá, văn nghệ, phát thanh, tuyên truyền... đặc biệt đã được

đưa vào giảng dạy trong giáo dục phổ thông cấp 1 từ năm học 1962-1963...

4.2.1.2. Các kiểu chữ Thái cổ

a/ Chữ của người Thái Đen, Thái Trắng

Đây là kiểu chữ Thái được dùng phổ biến ở vùng Tây Bắc. Hiện nay, các văn bản chữ ghi tiếng Thái Đen và Thái Trắng tương đối nhiều và ít nhiều vẫn được dùng để ghi chép in ấn. Truyền thuyết Thái kể rằng, Lò Lệt là người có công mang đến và làm cho chữ viết này dùng rộng rãi trong dân Thái, vào thế kỉ XIII.

Tiếng nói của người Thái Đen và Thái Trắng rất khác nhau. Nhưng chữ viết hai ngành này thống nhất về cơ bản. Sự khác biệt giữa hai hệ chữ này chỉ là ở số lượng các kí hiệu ghi âm đầu, nguyên âm, âm cuối, về một vài điểm trong cách ghi các âm.

b/ Chữ của người Táy Thanh, Táy Đeng (ở Thanh Hóa, Nghệ An; ở Mai Châu - Hòa Bình; ở Phù Yên - Sơn La)

So với chữ Thái Đen, chữ Tay Đeng ít phổ biến hơn. Tuy nhiên, hiện nay, trong các gia đình người Thái ở Mai Châu, Hòa Bình và một số gia đình ở Thanh Hóa, Nghệ An còn lưu giữ các văn bản bằng chữ Thái (Tay) Đeng. Một số người làm nghề thầy cúng còn đọc được các văn bản bằng chữ Tay Đeng.

Tiếng nói các ngành này có những điểm thống nhất và nhiều điểm khác so với tiếng Thái Đen, Thái Trắng. Chữ của các nhóm trên cũng thống nhất và khác so với chữ Thái Đen, Thái Trắng.

c/ Chữ của người Táy Dọ (Tay Do) ở các huyện Quỳnh Châu, Quỳnh Hợp, Quế Phong, tỉnh Nghệ An.

Chữ viết này thường được gọi chung là “chữ Thái Quỳnh Châu”, nhưng ít thông dụng. Trong một số gia đình người Thái vẫn còn lưu giữ một số văn bản viết bằng chữ viết này, một số người tuổi cao vẫn còn đọc được.

Người Táy Dọ còn sống ở tỉnh Bô Ly Khăm Xay và Khăm Muộn - Lào. Một bộ phận của họ cư trú ở Đông Bắc Thái Lan.

Đặc điểm đáng chú ý nhất của chữ Thái Quỳnh Châu là có cách viết như chữ Hán: Viết theo cột dọc từ trên xuống dưới; các cột viết từ phải sang trái, có lẽ là do ảnh hưởng từ cách viết chữ Hán. Hệ thống kí hiệu của chữ Thái Quỳnh Châu tương đối phức tạp.

d/ Chữ của nhóm Tai Pao, Thái Mường, Thái Hàng Tông ở huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An

So với các loại chữ Thái khác, chữ Lai Pao ít thông dụng. Rất hiếm gặp văn bản viết bằng chữ viết này và rất ít người còn đọc được.

Chữ này được gọi là “Lai Pao” (lai - “hình vẽ, chữ”, Pao - sông Cà, Lai Pao - chữ của người Thái vùng sông Cà). Nó được một cố đạo người Pháp (Th. Guignard) tìm thấy từ năm 1912, gọi là chữ

“Liệp Năm”.

Chữ Lai Pao và chữ Thái Quỳnh Châu có nhiều điểm giống nhau, khác với các chữ Thái Đen, Thái Trắng và Tay Đeng (Thái Thanh).

4.2.1.3. Chữ Thái cổ trong đời sống xã hội hiện nay ở các vùng người Thái

a/ Chữ Thái cổ đã từng có vai trò khá lớn trong sinh hoạt văn hoá tinh thần của đồng bào Thái: Ghi chép các truyện thơ và truyện lịch sử nổi tiếng như “Xống chụ son sao” (Tiễn dặn người yêu), “Khun Lú Nàng Ủa” (Chàng Lú Nàng Ủa), “Quả tổ mường” (Chuyện bản mường), “Táy pú xắc” (Người Thái đánh giặc), “ghi Hịt không mường bản” (Luật lệ bản mường)... các gia phả, sáng tác văn học, ghi chép hàng ngày, trao đổi thư từ và các loại giấy tờ khác... Theo tác giả Cẩm Trọng (1993, tr.277), “Cuối năm 1975, lúc khu Tự Trị Tây Bắc giải thể, tổ sách cổ của Sở Văn hóa đã sưu tầm và bảo quản được ngót 2.000 đầu sách với khoảng 5000 dị bản chuyển giao cho cơ quan văn hóa tỉnh Sơn La...”.

Gắn liền với lịch sử và vốn văn nghệ truyền thống của dân tộc Thái, chữ Thái cổ được các trí thức Thái trân trọng, xem đó là tài sản quý của dân tộc Thái: “Chữ Thái là của quý thời xưa hãy cố tâm học cho biết (Xư Tay pên khong khan té lai chong chaur hiên hụ)”.

b/ Như đã nói ở trên, năm 1961, chữ Thái cải tiến đã được đưa vào giảng dạy trong giáo dục phổ thông cấp 1 (Tiểu học) và bổ túc văn hóa. Hai năm đầu, việc học chữ Thái được cán bộ và đồng bào hưởng ứng nhiệt liệt. Sau đó, công việc dạy - học dần lắng xuống. Đến năm 1968, chữ Thái cải tiến tạm dừng lại vì nhiều nguyên nhân, cả chủ quan lẫn khách quan.

Trong những năm gần đây, việc dạy chữ Thái cổ lại được tiến hành ở một số địa phương, chẳng hạn ở xã Chiềng Xôm (huyện Mường La, tỉnh Sơn La), ở xã Châu Cường (huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An, với một thầy giáo Thái rất tâm huyết là Sầm Văn Bình...

4.2.1.4. Vấn đề mã hóa chữ Thái cổ

Mã hóa các hệ chữ viết của các dân tộc ở nước ta, bao gồm cả chữ Thái cổ được xem là thiết thực và có ý nghĩa quan trọng trong việc áp dụng công nghệ thông tin để góp phần bảo tồn và phát huy vốn di sản văn hóa của cộng đồng các dân tộc và đưa chữ Thái vào môi trường đa ngữ toàn cầu. Chữ Thái cổ được các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước rất quan tâm.

Mục tiêu cho việc mã hóa chữ Thái là: Thiết lập hệ thống xử lý chữ Thái Việt Nam trong máy tính và mạng (mã hóa, font chữ, bàn phím, cơ sở dữ liệu, mạng); thu thập và số hóa các tài liệu chữ Thái cổ, thiết lập thư viện điện tử về các văn bản chữ Thái cổ.

Ngoài bộ font chữ Thái (Táy Đăm) Việt Nam do

tổ chức SIL SIL (Summer Institute of Linguistics - Viện Chuyên khảo Ngữ học Mùa hè) chế tác, công việc này đã được tiến hành từ năm 1999 (với sự tham gia của một số cán bộ trường Cao đẳng Sư phạm Tây Bắc - nâng cấp thành trường thành Trường Đại học Tây Bắc 9/2001, phối hợp với Trung tâm Tin học Bộ Giáo dục và Đào tạo; của các nhà khoa học về công nghệ thông tin (Viện Công nghệ thông tin) trong nhóm có tên là “Nom Na Group”)... Mục tiêu là xác lập một bộ font chữ Thái lấy bộ font Unicode làm nền (tức là chứa luôn cả ký tự tiếng Việt và Anh), sau đó bổ sung các hình chữ Thái. Các nhà công nghệ dự kiến có thể bổ sung cả chữ Thái Lan, Chăm, Khmer... Ngoài các ký tự chữ Thái thống nhất, còn bổ sung các ký tự cổ ở các biến dạng chữ Thái khác nhau của cùng con chữ, nhằm phục vụ cho việc nghiên cứu sâu về Thái học... Hiện nay font chữ Thái này chưa được phổ biến và sử dụng rộng rãi.

4.2.1.5. Nhìn chung hiện nay, mức độ phổ biến các chữ Thái cổ ở mỗi vùng cũng khác nhau. So với các hệ chữ Thái cổ khác, chữ Thái Đen và Thái Trắng ở vùng Sơn La, Điện Biên, Lai Châu, Yên Bái, Lào Cai tương đối phổ biến hơn. Chữ Thái ở huyện Quỳnh Châu, chữ Lai Pao ở tỉnh Nghệ An chỉ còn tồn tại dưới dạng các văn bản viết trên lá cọ, thẻ tre, hiện còn rất ít người đọc được các văn bản này; những chữ viết này mang ý nghĩa lưu niệm hơn là thực sự có chức năng xã hội. Nhìn chung, số người biết chữ Thái cổ ngày càng ít.

4.2. Chữ Thái “mới” – tự dạng latin

Việc latin hoá chữ Thái không phải là vấn đề mới, mà đã được tiến hành từ khi người Pháp đến Tây Bắc (1946 – 1954). Một bộ chữ Thái hệ latin đã có từ thời đó, để ghi chủ yếu tiếng Thái Trắng.

Từ năm 1970, sau khi Quyết định số 153/QĐ-CP được ban hành, việc latin hoá chữ Thái chính thức tiến hành. Năm 1981, phươg án chữ Thái Latin được Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu phê chuẩn. Chữ Thái mới này đã được sử dụng trong sáng tác văn học, biên soạn sách. Điển hình là đã được dùng để biên soạn và xuất bản cuốn “Từ điển Thái – Việt” (Hoàng Trần Nghịch, Tòng Kim Ân, 1991).

Nhìn chung, chữ Thái latin chưa có điều kiện phổ biến và sử dụng. Có nhiều lí do cho sự “do dự” này, trong đó phải kể đến ý kiến cho rằng chỉ có chữ Thái cổ mới là chữ đích thực của dân tộc Thái, còn chữ Thái latin “cũng là chữ Quốc ngữ”. Ở đây, ta gặp sự trân trọng đối với chữ cổ truyền và cách hiểu có phần đơn giản về vai trò của hệ chữ latin. Có thể bởi kinh nghiệm thất bại của việc xây dựng và truyền bá các loại chữ trước đó (chữ Thái thống nhất và cải tiến) đã tạo ra sự ngại ngùng trước mọi sự cải cách. Cũng có thể, người ta thấy chưa thuyết phục (hoặc chưa rõ) về vai trò của chữ Thái latin, đặc biệt đối

với việc bảo tồn vốn văn nghệ lâu đời của dân tộc Thái và giúp dân tộc này giao lưu với cộng đồng Thái ở nước ngoài, so với chữ Thái cổ. Cũng có thể là vì chữ Thái cổ đã có một vị trí quá chắc chắn trong nếp nghĩ và tình cảm của người Thái...

5. Thảo luận

5.1. Chữ viết của người Thái dùng để làm gì?

Câu hỏi này cần đặt ra đối với chữ viết cả tất cả các dân tộc ở Việt Nam (kể cả đối với chữ Quốc ngữ). Nếu một hệ thống chữ không có vai trò gì hay không đảm nhiệm chức năng xã hội nào, tức là không có ích cho ai, thì nó sẽ không có lí do để tồn tại. Dĩ nhiên, đối với chữ Thái, với câu hỏi: “Có dùng để làm gì không?”, có thể có câu trả lời là “Có”, hoặc “Không”, hoặc không có ý kiến.

Căn cứ là những tính chất đặc thù của chữ viết nói chung cũng như chữ Thái nói riêng: phi hoàn cảnh hoá, có khả năng phản ánh sâu và rộng trong thời gian và không gian..., câu trả lời của người viết bài này là “Có!”:

Trước hết, chữ Thái dùng để bảo tồn và phát triển ngôn ngữ dân tộc Thái - một thành tố cấu thành văn hoá, vừa là phương tiện để phát triển thành các hình thái quan trọng nhất đối với đời sống văn hoá tinh thần, những hình thái góp phần hình thành nên bản tính của một dân tộc.

Một ngôn ngữ chưa có chữ viết (chỉ tồn tại ở dạng khẩu ngữ) hoặc chữ viết không được sử dụng thì dễ bị mất mát và sai lệch, cũng như khó tạo điều kiện hình thành và phát triển một ngôn ngữ văn hóa (ngôn ngữ gọt giũa) theo đúng nghĩa. Trước hết, nó dùng để ghi “lời nói” trong những cuốn từ điển và ngữ pháp, đồng thời trong các tác phẩm văn học nghệ thuật, để từ đó đi vào cuộc sống.

Thứ hai, chữ Thái dùng để thực hiện vai trò tích cực trong việc làm nên những thành tựu văn hoá (chẳng hạn văn học nghệ thuật, các văn bản truyền thanh truyền hình và tất cả những sáng tạo được ghi bằng chữ) cũng như bảo tồn và phát triển chúng, bằng cách ghi lại cho người khác và các thế hệ kế tiếp nhau cùng đọc.

Thứ ba, trong hoàn cảnh cụ thể của dân tộc Thái ở Việt Nam hiện nay (nhiều ngành Thái ở các địa phương khác nhau, với những nét khác biệt trong ngôn ngữ và các mặt văn hóa khác), chữ Thái có thể có vai trò như một phương tiện để tăng cường sự cố kết trong nội bộ người Thái và hướng về cội nguồn. Có thể xem chữ Thái là một phương tiện để người Thái ở các nơi khác nhau có được “tiếng nói chung”.

Thứ tư, chữ Thái còn giúp thông tin tuyên truyền, chuyển tải các kiến thức khác nhau (trong đó có các kiến thức về chính tiếng Thái); tạo điều kiện (qua mặt chữ và các loại sách giáo dục) cho học sinh người Thái và cán bộ công chức, đồng bào

thuộc các dân tộc khác nhau học tiếng Thái, hiểu biết hơn về văn hóa Thái.

5.2. Những yêu cầu đối với chữ Thái là gì?

Với những yêu cầu này, một câu hỏi cần được đặt ra: Vậy trong hoàn cảnh thực tế của Việt Nam hiện nay, nên truyền bá và sử dụng chữ Thái cổ - tự dạng Sanscrit, hay là chữ Thái mới - tự dạng latin, hay cả hai?

- Các hệ thống chữ Thái (cổ và mới) đều là chữ ghi âm, tức là chúng được dùng để ghi lại âm của lời nói tiếng Thái. Với trách nhiệm này, trước hết chữ Thái cần phản ánh (ghi) được đầy đủ các âm của tiếng Thái.

- Các kí hiệu (chữ cái, dấu...) và các quy tắc của chữ Thái phải đơn giản và tiện dùng, dễ đọc, dễ viết và dễ nhớ.

- Để người Thái dễ dàng và nhanh chóng học theo cách “bắc cầu” từ tiếng Thái sang tiếng Việt, từ chữ Thái sang chữ Quốc ngữ, cũng như cán bộ công chức, đồng bào thuộc các dân tộc khác dễ dàng, nhanh chóng học tiếng Thái, đồng thời cũng dễ dàng cho các thầy cô, chữ Thái cần phải gần gũi với chữ Quốc ngữ (hệ latin), nhưng tránh đi những bất hợp lý của chữ Quốc ngữ.

5.3. Chữ Thái (tiếng Thái) cần được dạy - học và sử dụng như thế nào?

5.3.1. Chữ Thái (tiếng Thái) cần được dạy - học như thế nào?

Đây cũng là một vấn đề rất phức tạp, đối với hầu hết các chữ viết (và tiếng nói) của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam. Chữ Thái và tiếng Thái cũng không phải là một ngoại lệ. Trước hết, cần phân biệt “dạy và học chữ” với “dạy và học tiếng”: Dạy và học chữ (dạy và học cách viết cách đọc) nên xem là một khâu trong dạy và học tiếng.

Cũng cần phân biệt “dạy và học chữ - tiếng” (coi chữ - tiếng là đối tượng), với “dạy và học bằng tiếng” (coi tiếng là phương tiện).

Sau đây là một số mô hình giáo dục ngôn ngữ trong nhà trường ở vùng đồng bào các dân tộc thiểu số (trong đó có dân tộc Thái) ở Việt Nam:

Mô hình thứ nhất: Học sinh Thái và học sinh người Kinh đều chỉ được giáo dục bằng một cách: dạy - học tiếng Việt và dạy - học bằng tiếng Việt, theo chương trình giáo dục, sách giáo khoa... chung trong cả nước. Đa số học sinh các vùng Thái đang theo cách này: “đi thẳng vào tiếng Việt”.

Mô hình thứ hai: Dạy - học chữ - tiếng Thái của học sinh trước, sau đó chuyển dần sang dạy - học tiếng Việt và bằng tiếng Việt, còn chữ - tiếng Thái lùi xuống vị trí là một môn học. Mô hình này đã được áp dụng vào những năm 60 của thế kỷ XX, ở cả miền Bắc và miền Nam. Ở miền Bắc, cách này

được thực hiện vào khoảng 1961 - 1968 ở một số vùng đồng bào người Mông, Tày và Nùng, Thái.

Mô hình thứ ba: Bắt đầu dạy - học tiếng Việt và bằng tiếng Việt, chữ - tiếng Thái chỉ được dạy-học như một môn học (có thể ở giai đoạn bất kỳ trong từng cấp học, có thể từ đầu). Mô hình này hiện cũng đang phổ biến ở Việt Nam. Ưu điểm nổi bật của nó là rất đơn giản về tổ chức và quản lý, không gây nên những xáo trộn đối với hệ thống giáo dục hiện thời, không đòi hỏi cao, có vẻ như một lớp học ngoại ngữ - một hình ảnh thường gặp ở Việt Nam, lớp học dành cho tất cả những ai muốn học thêm một ngôn ngữ.

Xét về nhiều phương diện, không thể cứ “thả nổi” mãi. Trong hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam, thiết nghĩ sẽ là thích hợp và có hiệu quả, nếu kiên trì áp dụng mô hình thứ tư: Dạy - học tiếng nói chữ viết Thái như một môn học.

5.3.2. Chữ Thái (và tiếng Thái) cần được sử dụng như thế nào?

Chữ phải được học và sau khi học thì phải được dùng trong đời sống. Cùng với việc dạy và học chữ, ngoài việc chuẩn bị các sách giáo khoa, giáo viên và chương trình, phải có các ấn phẩm để đọc bằng chữ viết, theo tinh thần trật tự “đọc, viết, nói và nghe” (việc “đọc” văn bản là cơ sở để “viết”, cũng như để “nói và nghe” sau đó), phù hợp với trình độ của người học sau khi “thoát” mù chữ. Các ấn phẩm bằng chữ như vậy không những giúp củng cố khả năng sử dụng chữ cho người đã biết chữ mà còn tạo nên ham muốn học chữ để đọc và viết đối với người chưa biết chữ.

Trước hết, chữ cần được và có thể dùng để biên soạn các sách công cụ như từ điển, ngữ pháp cơ bản (Từ điển Việt - Thái; Từ điển các phương ngữ Thái; sách Ngữ pháp tiếng Thái...) và sách giáo khoa, các sách tham khảo bằng chữ Thái hoặc song ngữ; để ghi chép và xuất bản những truyện cổ tích, truyện thơ, dân ca, luật tục, các sáng tác mới...

6. Kết luận

Với vai trò quan trọng của chữ viết trong đời sống xã hội, cùng không ít vấn đề đặt ra đối với chữ Thái (tự dạng, các bộ chữ, tiếng địa phương...), với những thăng trầm trong việc truyền bá và sử dụng chữ này, cũng như bất kì ở đâu và ở thời điểm nào, cũng cần được chuẩn bị kĩ càng về mặt nhận thức cũng như tổ chức công tác, cùng những điều kiện vật chất để đảm bảo cho một bộ chữ sống và hoạt động.

Muốn tạo được điều kiện cho chữ Thái “sống được”, cần nhận thức sâu sắc về vai trò của chữ Thái đối với văn hóa truyền thống dân tộc Thái và cả quốc gia. Nó không chỉ cần được sự bảo trợ của chính sách Nhà nước, mà cần sự nhận thức sâu sắc của chính những người dân Thái.

Tài liệu tham khảo

- Benedict, P. K. (1942). Thai, Kadai and Indonesian: a new aligment in sooutheastern Asia. *American Anthropologist*, 44(2).
- Benedict, P. K. (1966). Austro-Thai studies. *BSN*, 3(1), p.2.
- Benedict, P. K. (1975). *No Austro-Thai: Language and Culture*. New Haven: HRAF Press.
- Chamberlain, J. R. (1972). *The origin of the Southwestern Tai*.
- Chương trình Thái học Việt Nam. (1998). *Văn hóa và lịch sử của người Thái ở Việt Nam*. Nxb. Văn hóa Dân tộc.
- Cường, C. (1993). Người Thái nên học và sử dụng chữ Thái như thế nào ở thời đại ngày nay. Trong *Những vấn đề chính sách ngôn ngữ ở Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
- Diller, A. V. N., Edmondson, J. A., & Luo, Y. (2012). *The Tai-Kadai Languages*. London, New York: Routledge.
- Gedney, W. J. (1964). *A Comparative Sketch of White, Black and Red Tai*. Bangkok: Social Sciences Review Special Publication 1.
- Gedney, W. J. (1976). On the Thai evidence for Austro-Thai. *CAAAL*, 3, pp.39-48.
- Hoành, N. H., Lợi, N. V., & Thông, T. V. (2013). *Ngôn ngữ, chữ viết các dân tộc thiểu số ở Việt Nam (Những vấn đề chung)*. Hà Nội: Nxb. Từ điển Bách khoa.
- M., F. (1993). Phonetique et ecriture du Tai de Qiu Chau (Vietnam). *CLAO*, XXII, pp.87-106.
- Nghịch, H. T., & Ân, T. K. (1990). *Từ điển Thái - Việt*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
- Thần, N. K. (1969). Vấn đề Latinh hóa chữ Thái. Trong *Nguyễn Kim Thần tuyển tập*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
- Thông, T. V., & Tùng, T. Q. (2017). *Ngôn ngữ các dân tộc ở Việt Nam*. Nxb. Đại học Thái Nguyên
- Trọng, C. (1993). Trong tình hình hiện nay nên ứng xử với tiếng nói và chữ viết dân tộc Thái ở nước ta như thế nào. Trong *Những vấn đề chính sách ngôn ngữ ở Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
- Tuệ, H., & Ma, H. V. (1984). *Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam và chính sách ngôn ngữ*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
- Viện Dân tộc học. (1977). *Tư liệu về lịch sử và xã hội dân tộc Thái*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
- Viện Dân tộc học. (1978). *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Bắc)*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.

THAI SCRIPT IN VIETNAM

Ta Van Thong^a
Ta Quang Tung^b

^a Vietnam Institute of Lexicography and Encyclopedia

Email: tavanthong1955@gmail.com

^b Vietnam Institute of Linguistics

Email: quangtung7391@gmail.com

Received: 21/10/2020
Reviewed: 05/11/2020
Revised: 08/11/2020
Accepted: 09/11/2020
Released: 20/11/2020

DOI:

<https://doi.org/10.25073/0866-773X/475>

Abstract: Thai people in Vietnam have two types of scripts: 1. The ancient script originated from India - Sanskrit (with many different types, Black Thai, White Thai; Tay Thanh, Tay Deng; Tay Do; Tai Pao, Thai Muong, Thai Hang Tong...) 2. The new script - Latin form. The ancient Thai script used to play an important role in the cultural and spiritual activities of the Thai, considered by Thai intellectuals to be a valuable asset of Thai people in Vietnam. The encoding of the ancient Thai script was laid out. The “new” Thai script has been highlighted since the French arrived in the Northwest (1946 - 1954). In 1970, the Thai Latin script was approved by the People’s Committee of Lai Chau province. In general, Thai characters do not have conditions to disseminate and being used actively.

A number of questions arise and need answers about Thai script, so that this script can have a stable life and function actively: What is Thai script created for? What are the requirements for Thai script (And: In the current situation of Vietnam, it is advisable to propagate and use the ancient Thai script, or the new Thai script, or both)? Thai script should be based on which dialect? How should Thai script be taught and used?

Keywords: Thai script; Ethnic minority; Education model; Thai language.